TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2023
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài.
Bà Đào Thị G.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Phan Đăng Định – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 534/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến P, sinh năm: 1995.
Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm: 1991.
Địa chỉ: Đường số 5, tổ 5, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Tiến P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị G tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2021. Quá trình chung sống P sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị G.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên anh P có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Tại bản tự khai ngày 29/5/2023, bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm G trình bày:

Chị và anh P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào năm 2021. Quá trình chung sống vợ chồng P sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn với anh P.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời chị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát P biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo thu thập chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ cho Viện kiểm sát.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của anh P là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho anh được ly hôn với chị G. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Anh P phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Tiến P nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm: 1991, địa chỉ: Đường số 5, tổ 5, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là *"Ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh P nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị G, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị G và anh P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 78 ngày 08/11/2021 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh P và chị G đề thừa nhận vợ chồng chung sống có P sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc nên anh chị đồng ý ly hôn. Như vậy, đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của anh P là

có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến P về việc *"Ly hôn"* với chị Nguyễn Thị Cẩm G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm G.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002991 ngày 19/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Anh Nguyễn Tiến P đã nộp đủ án phí.

4. Anh Nguyễn Tiến P, chị Nguyễn Thị Cẩm G có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- UBND xã B.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương